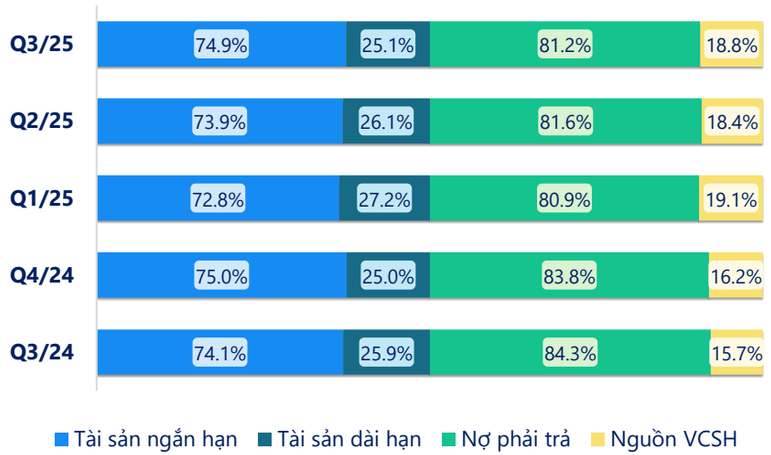
FireAnt

Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP (UPCOM: MNB)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	27,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,919
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,084
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,240
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	550
P/E	4.4
EPS	6,247

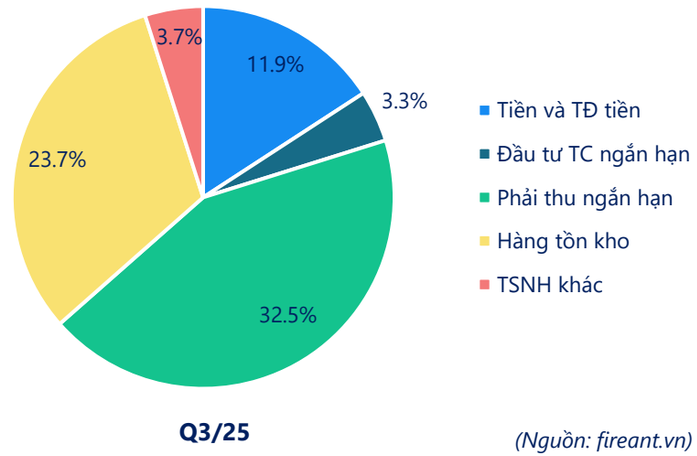
	YTD	1T	3T	6T
MNB	14.5%	1.9%	2.4%	-8.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



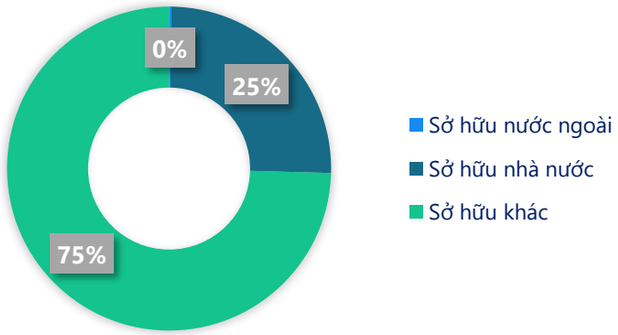
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



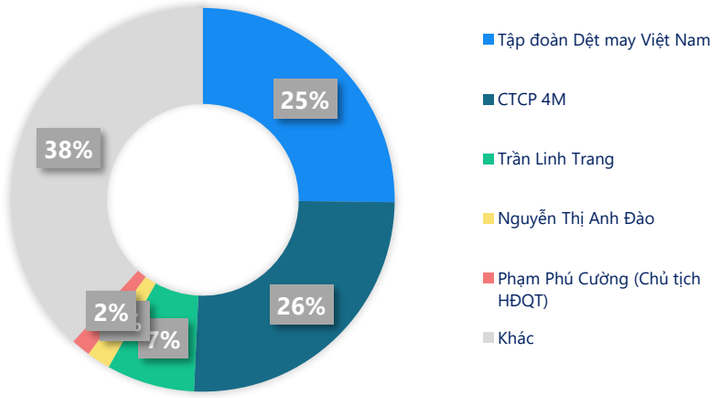
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



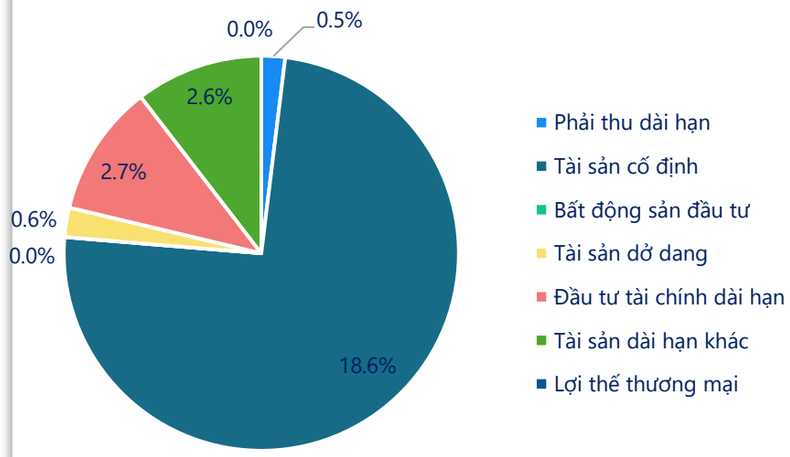
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

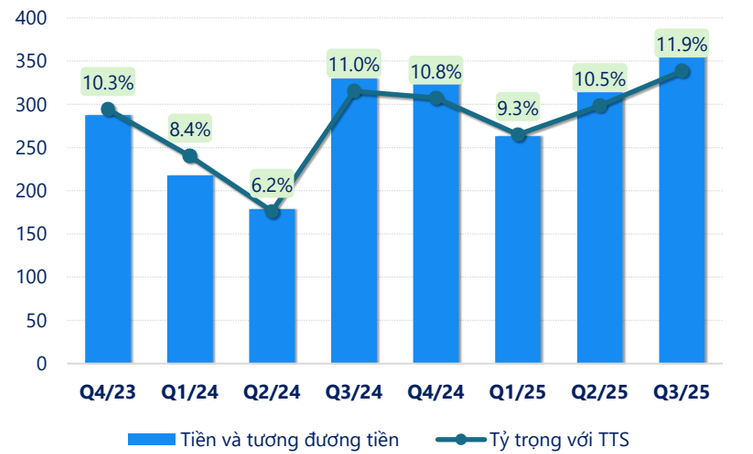


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

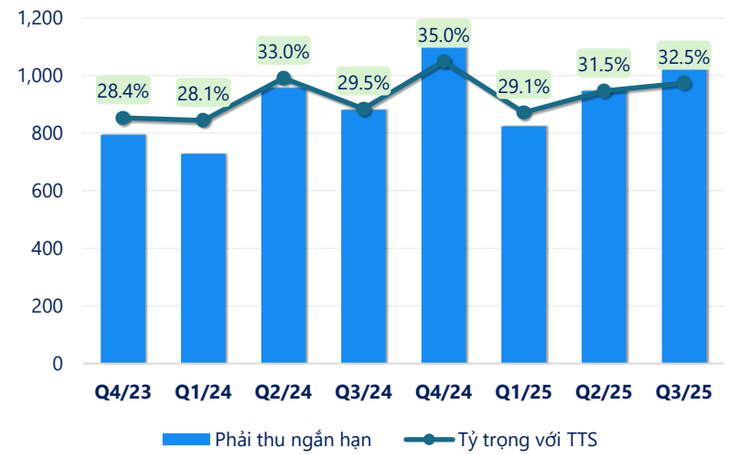
Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP (UPCOM: MNB)

Tiền và tương đương tiền



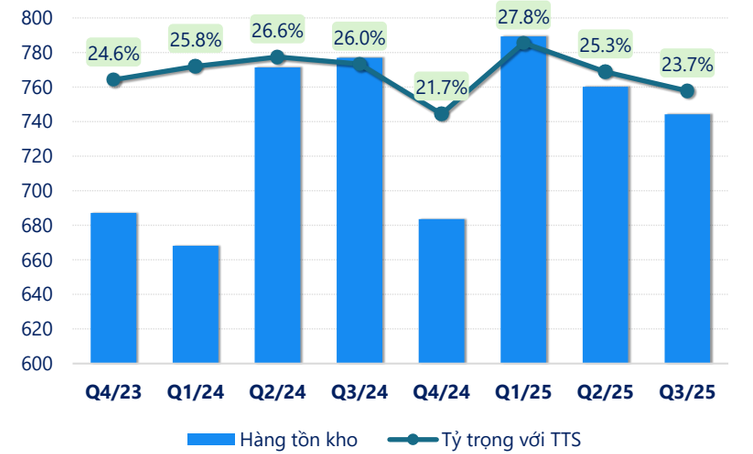
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



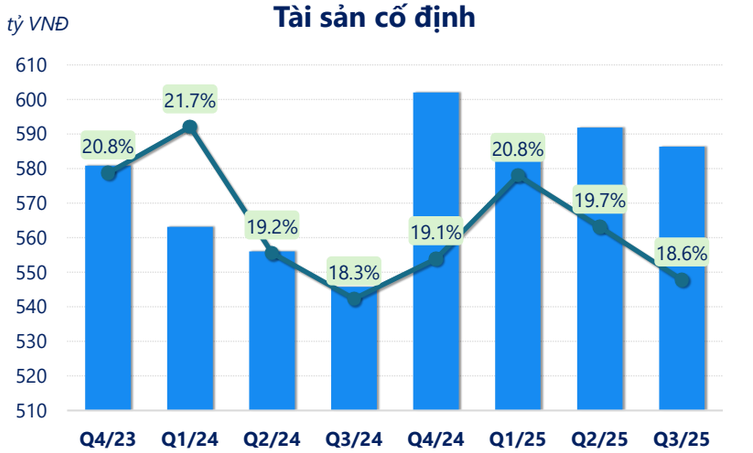
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



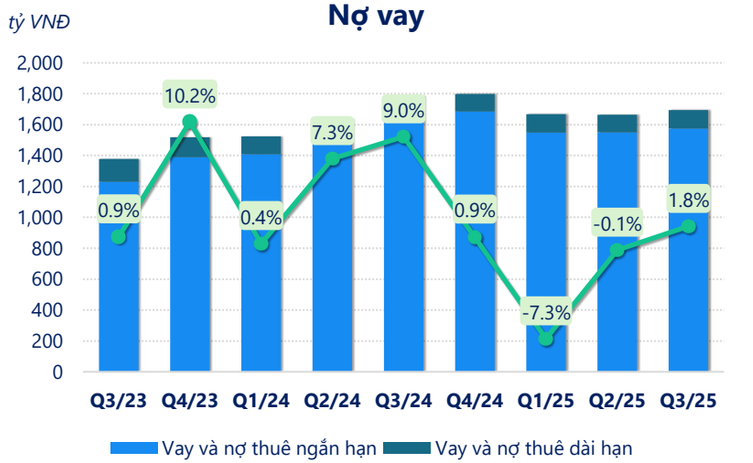
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



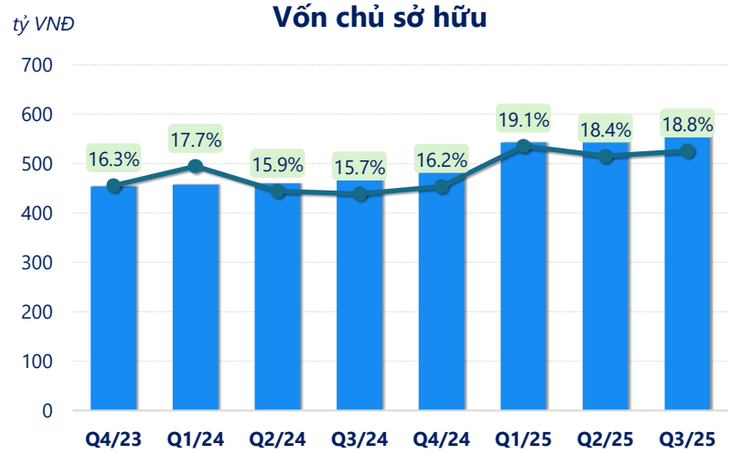
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

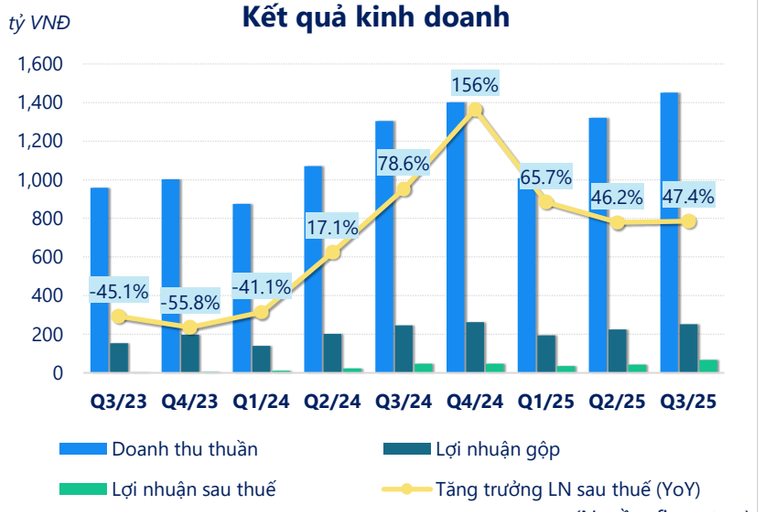


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

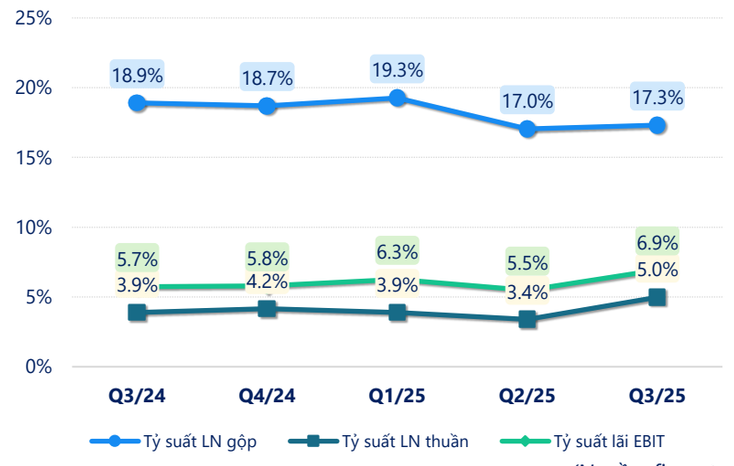
Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP (UPCOM: MNB)

Kết quả kinh doanh



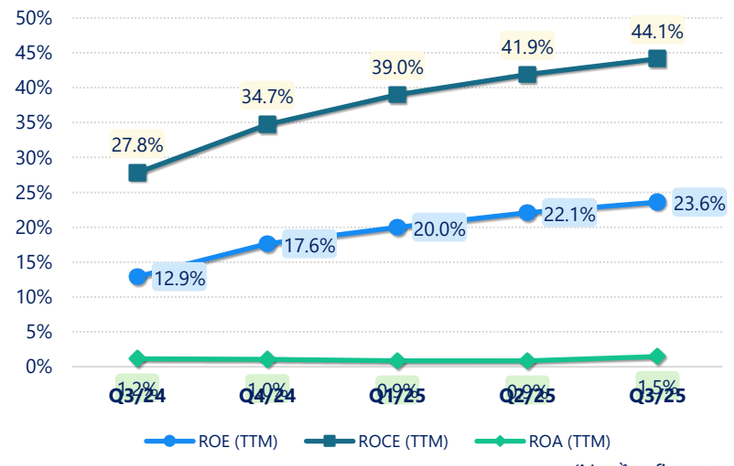
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



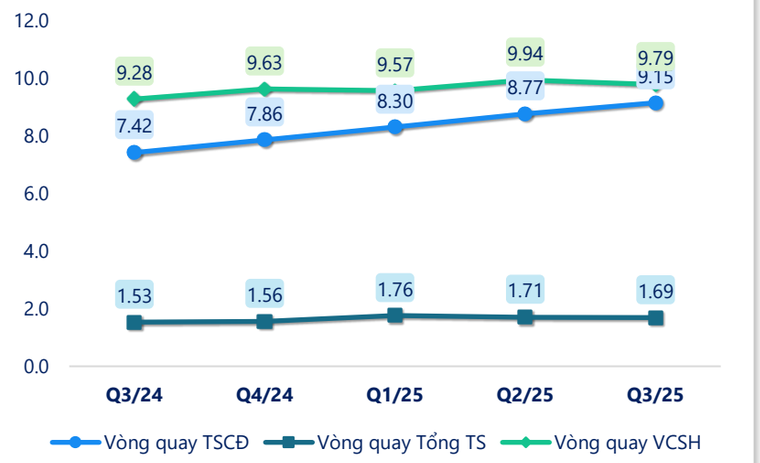
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



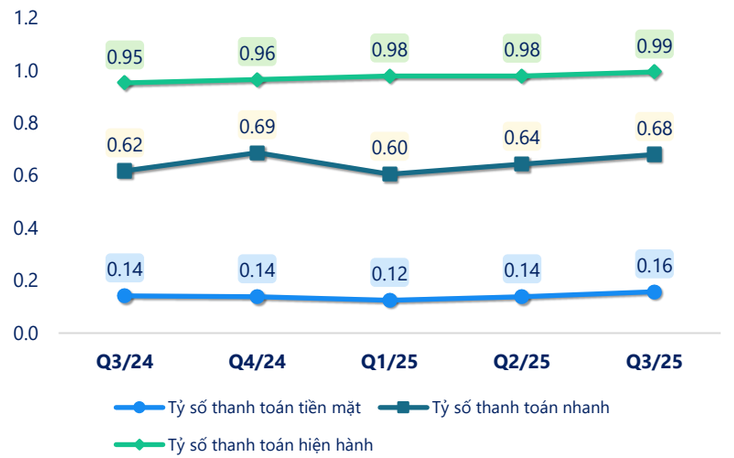
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



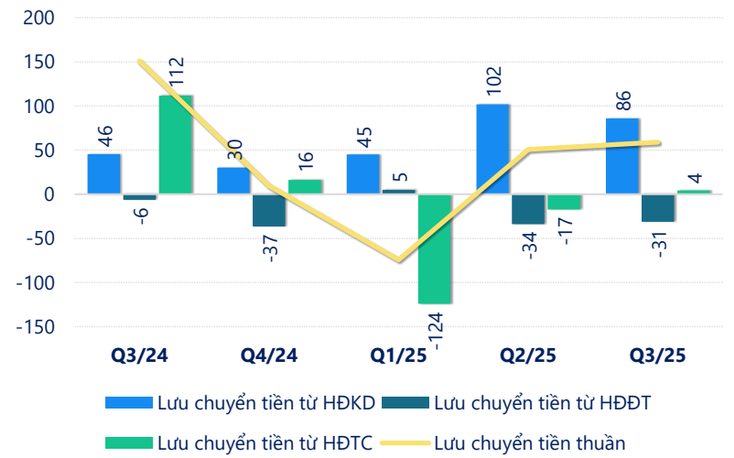
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP (UPCOM: MNB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,145**	**3,096**	**1.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,356	2,312	1.9%
Tiền và tương đương tiền	373	337	10.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	103	105	-2.5%
Phải thu ngắn hạn	1,021	1,049	-2.7%
Hàng tồn kho	744	691	7.7%
Tài sản ngắn hạn khác	116	129	-10.3%
Tài sản dài hạn	**788**	**785**	**0.5%**
Phải thu dài hạn	15.3	14.5	5.7%
Tài sản cố định	586	602	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.0	5.37	254%
Đầu tư tài chính dài hạn	85.4	82.0	4.1%
Tài sản dài hạn khác	**82.4**	**80.9**	**1.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,554	2,577	-0.9%
Nợ ngắn hạn	**2,371**	**2,386**	**-0.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,575	1,678	-6.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	329	249	32.3%
Nợ dài hạn	183	191	-4.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	120	114	5.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**591**	**519**	**13.8%**
Vốn chủ sở hữu	**591**	**519**	**13.8%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,304	1,401	1,008	1,320	1,451
Giá vốn hàng bán	1,057	1,139	814	1,095	1,200
Lợi nhuận gộp	247	262	194	225	251
Doanh thu HĐTC	11.3	21.7	15.4	17.2	16.7
Chi phí TC	37.2	29.5	24.9	31.4	32.2
Chi phí lãi vay	18.0	23.8	19.9	20.0	19.3
LN trong công ty LKLD	1.17	1.48	1.11	1.44	1.31
Chi phí bán hàng	72.7	70.0	60.0	69.7	66.5
Chi phí QLDN	98.3	127	86.5	97.8	98.1
LN thuần từ HĐKD	50.8	58.3	39.2	44.8	72.3
Lợi nhuận khác	6.06	-1.01	3.97	7.52	9.01
LN trước thuế	56.8	57.3	43.1	52.4	81.3
Lợi nhuận sau thuế	46.9	47.1	35.2	43.1	66.6
LNST của CĐ cty mẹ	31.9	31.2	23.5	25.2	45.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.5	30.1	45.0	102	85.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.21	-36.7	4.91	-33.7	-31.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	112	16.2	-124	-17.2	4.29
Tiền đầu kỳ	179	330	337	263	314
Lưu chuyển tiền thuần	**151**	**9.70**	**-74.3**	**50.7**	**58.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	330	340	263	314	373

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic